

Bản án số: 950/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 08/8/2019

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Huỳnh Bảo Khánh**

2. Ông **Bùi Quang Việt**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Hồng Thanh** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Cao Hoàng Thắng** – Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 416/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2617/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5041/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lý Thị Kim N**, sinh năm 1976

Địa chỉ: 329/41 đường P, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Nguyen Thanh B**, sinh năm 1947

Địa chỉ: 74 A A Ttown V 3074, Australia.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 18/5/2018, bản tường trình sửa đổi đơn khởi kiện ngày 03/8/2018 và bản tự khai, nguyên đơn bà Lý Thị Kim N trình bày:

Bà và ông Nguyen Thanh B quen biết nhau vào tháng 11 năm 2013, sau thời gian tìm hiểu hai bên tiến hành đăng ký kết hôn, nhận Giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/8/2015 tại Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, ông Nguyen Thanh B quay trở về nước Úc. Tháng 11/2015, ông B nộp hồ sơ bảo lãnh cho bà sang Úc định cư. Tuy nhiên, khi đi phỏng vấn thì hồ sơ bảo lãnh của bà bị từ chối. Từ đó, ông B bắt đầu lạnh nhạt, lơ là, ít liên lạc với vợ. Mặc dù chỉ liên lạc qua điện thoại nhưng vợ chồng cũng

cãi vã, bất đồng ý kiến với nhau. Từ đầu năm 2017 đến nay, hai bên đã chấm dứt mọi liên lạc. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu ly hôn ông Nguyen Thanh B.

Về con chung: không có

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Bị đơn ông Nguyen Thanh B cư trú ở nước Úc, Tòa án thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp, đã gửi văn bản Thông báo về việc thụ lý, ngày mở phiên họp, phiên tòa xét xử vụ án dân sự sơ thẩm số 663/UTTPDS-TA30 ngày 08/10/2018. Theo nội dung tại Thông báo nêu trên thì thời gian mở phiên tòa lần 1 vào lúc 8g00 ngày 08/7/2019, thời gian mở phiên tòa lần 2 vào lúc 8g00 ngày 08/8/2019. Văn bản được Bộ Tư pháp gửi đến Bộ Tổng Chương lý Liên bang Ô-xtrây-li-a ngày 31/10/2018. Ngày 23/3/2019, Tòa án nhận được Văn bản số 725/BTP-PLQT ngày 11/3/2019 của Bộ Tư pháp thông báo Cơ quan có thẩm quyền của Ô-xtrây-li-a đã thực hiện ủy thác tư pháp nêu trên vào ngày 09/01/2019 bằng phương thức tổng đạt hồ sơ trực tiếp cho đương sự.

Đến ngày mở phiên tòa, Tòa án không nhận được lời khai, tài liệu, chứng cứ của ông Nguyen Thanh B và ông cũng không có mặt tại phiên tòa.

Nguyên đơn bà Lý Thị Kim N có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thủ tục ủy thác tư pháp, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu và thủ tục xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Lý Thị Kim N được ly hôn ông Nguyen Thanh B. Con chung: không có. Tài sản chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn bà Lý Thị Kim N đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; bị đơn ông Nguyen Thanh B cư trú tại nước Úc; giữa đôi bên có tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, Điều 464, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lý Thị Kim N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyen Thanh B vắng mặt lần thứ 2. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

Bà Lý Thị Kim N và ông Nguyễn Thanh B tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2015, có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn vào Sổ số 2105, Quyển số 11 ngày 25/8/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, hôn nhân giữa đôi bên là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Theo lời khai của bà N thì sau khi kết hôn ông B quay trở về nước Úc và có làm hồ sơ bảo lãnh cho bà sang Úc định cư. Do hồ sơ bảo lãnh của bà không được sứ quán Úc chấp nhận nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Từ đầu năm 2017 đến nay, hai bên đã chấm dứt mọi liên lạc. Bà N xác định không còn tình cảm với chồng, không thể tiếp tục cuộc hôn nhân được nữa và có yêu cầu ly hôn.

Xét, tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế vợ chồng đã không còn sống cùng nhau, không tạo được điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn giữa vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng. Do đó, nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích của hôn nhân cũng không thể đạt được. Xét, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu được ly hôn của bà N.

Về con chung: Bà N khai không có.

Về tài sản chung và nợ chung: bà N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có tranh chấp các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng nguyên đơn chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, Điều 464, Điều 469, Điều 474, Điều 476, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 123, Điều 124, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 của Bộ Tư pháp-Bộ Ngoại giao-Tòa án nhân dân tối cao quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị Kim N được ly hôn ông Nguyen Thanh B.

Giấy chứng nhận kết hôn vào Sổ số 2105, Quyền số 11 ngày 25/8/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Lý Thị Kim N khai không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lý Thị Kim N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có tranh chấp các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Lý Thị Kim N phải chịu, nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, cần trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà N đã nộp tại Biên lai thu số AA/2017/0049444 ngày 21/8/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà N đã nộp đủ án phí.

Chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp là 32 đô la Úc (AUD) bà Lý Thị Kim N phải chịu, nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, cần trừ tiền tạm ứng chi phí tố tụng 3.000.000 đồng bà N đã nộp tại Biên lai thu số AA/2017/0049520 ngày 04/10/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, phần tiền chênh lệch còn thừa bà N được nhận lại, nếu còn thiếu bà N phải nộp bổ sung.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn bà Lý Thị Kim N và bị đơn ông Nguyen Thanh B; bà Lý Thị Kim N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ, ông Nguyen Thanh B được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huỳnh Bảo Khánh

Thiều Đình Thu

Trần Thị Nhung



Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhung